

**CÔNG TY CỔ PHẦN SANY INVEST HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SANY INVEST HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SANY INVEST HA NOI JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SANY INVEST HN.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110340584

**3. Ngày thành lập:** 04/05/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 29, Ngõ 90 Đường Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988865388

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                    | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                           | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                           | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                      | 4390     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm, trừ đấu giá)                                                    | 4610     |
| 6.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                   | 4620     |
| 7.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                           | 4631     |
| 8.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                       | 4632     |
| 9.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh; Trừ hợp báo) | 8230     |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                     | 8299     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán)<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                      | 6619        |
| 12. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>-Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                          | 6810(Chính) |
| 13. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản                                                                                                                                      | 6820        |
| 14. | Quảng cáo<br>(Trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                | 7310        |
| 15. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>(Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                     | 4719        |
| 16. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                       | 4721        |
| 17. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                        | 4722        |
| 18. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                          | 4723        |
| 19. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ đấu giá bán lẻ qua internet)                                                                                                                                                                            | 4791        |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô                 | 4931        |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô | 4932        |
| 22. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>- Khách sạn<br>- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự                                                                                     | 5510        |
| 23. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                                                                                                      | 5590        |
| 24. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)                                                                                                                                                             | 5610        |

|     |                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 25. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                           | 5621 |
| 26. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                               | 5629 |
| 27. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Quán cà phê, giải khát                                                   | 5630 |
| 28. | Đại lý du lịch                                                                                                     | 7911 |
| 29. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa<br>- Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế | 7912 |
| 30. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                | 7990 |
| 31. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                              | 8121 |
| 32. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                  | 8129 |
| 33. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                  | 4101 |
| 34. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                            | 4102 |
| 35. | Xây dựng công trình điện                                                                                           | 4221 |
| 36. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                | 4222 |
| 37. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                 | 4223 |
| 38. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                  | 4229 |
| 39. | Xây dựng công trình thủy                                                                                           | 4291 |
| 40. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                    | 4292 |
| 41. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                              | 4293 |
| 42. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                         | 4299 |
| 43. | Phá dỡ                                                                                                             | 4311 |
| 44. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(không bao gồm rà, phá bom mìn)                                                               | 4312 |
| 45. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                              | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông             | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>XUÂN<br>THÔNG | Tổ 6, Phường<br>Đức Thắng, Quận<br>Bắc Từ Liêm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam   | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 98.000        | 9.800.000.000            | 49,000       | 0400930431<br>74                                                                                                       |            |
|     |                         |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                    | Tổng số                            | 98.000        | 9.800.000.000            | 49,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN VĂN<br>DƯƠNG       | Thôn Nội Xá, Xã<br>Vạn Thái, Huyện<br>Ứng Hoà, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam    | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 52.000        | 5.200.000.000            | 26,000       | 0270890001<br>36                                                                                                       |            |
|     |                         |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                    | Tổng số                            | 52.000        | 5.200.000.000            | 26,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                       |                                                                                   |                                    |        |               |        |                  |
|---|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|---------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ<br>NGỌC LY | Thôn Hậu, Xã<br>Ninh Nhất, Thành<br>phố Ninh Bình,<br>Tỉnh Ninh Bình,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000 | 5.000.000.000 | 25,000 | 0371870021<br>24 |
|   |                       |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0             | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0             | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0             | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0             | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                   | Tổng số                            | 50.000 | 5.000.000.000 | 25,000 |                  |
|   |                       |                                                                                   |                                    |        |               |        |                  |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                      |              |                                                                                                                                             |            |

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN THÔNG
Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 27/02/1993
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040093043174

Ngày cấp: 08/12/2021
Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 6, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 6, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội